

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 221/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 6 - 2022
V/v tranh chấp “Hôn nhân gia đình
- Ly hôn và nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thái Quân
2. Ông Nguyễn Đình Phùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Hoài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 296/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2021, về tranh chấp “*Hôn nhân gia đình - Ly hôn và nuôi con khi ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1996.

Đăng ký HKTT: ấp Phú Th, xã Phú X, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 18, ấp Hưng T, xã Phú H, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn Trúc E, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Tổ 1, ấp Phú Th, xã Phú X, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(Chị L có mặt và anh Trúc E vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 26/5/2021 bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm L trình bày:

Hôn nhân của chị và anh Trúc E qua tìm hiểu, được sự đồng ý của cha mẹ có tổ chức lễ cưới vào năm 2016, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú Hưng, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 35, ngày 08/3/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh

phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nguyên nhân do anh Trúc E không chăm lo làm ăn mà thường xuyên cờ bạc, không quan tâm chăm sóc vợ con, đời sống vợ chồng không hạnh phúc nên anh Trúc E đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, chính thức ly thân từ năm 2019 đến nay. Tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn Trúc E.

Về con chung: chị và anh Trúc E có 01 con chung tên Lê Hoàng Chính Th sinh ngày 29/5/2016, hiện do chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu anh Trúc E cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không có ý kiến nào khác.

Tại bản tự khai bị đơn anh Lê Văn Trúc E trình bày: anh và chị L kết hôn vào năm 2016 có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống bên gia đình chị L. Về sau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thể chung sống với nhau được nữa nên anh đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, ly thân từ năm 2019 đến nay không hàn gắn được. Nay anh không đồng ý ly hôn. Về con chung có 01 con chung tên Lê Hoàng Chính Th sinh ngày 29/5/2016, hiện đang sống với chị L, anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung, nợ chung phải thu phải trả không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Hôn nhân của chị L và anh Trúc E được xác lập trên cơ sở tự tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, từ khi ly thân đến nay không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được và chị L yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Về con chung có 01 con chung tên Lê Hoàng Chính Th sinh ngày 29/5/2016, hiện do chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu anh Trúc E cấp dưỡng cho con nên đề nghị HĐXX xem xét giao con chung cho chị L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và anh Trúc E cấp dưỡng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề xuất nội dung giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh TrúC E và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn và nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh Lê Văn TrúC E là bị đơn có nơi cư trú tại ấp Phú Thu, xã Phú Xuân, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Chị L yêu cầu xét xử vắng mặt, anh TrúC E đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh, chị theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh TrúC E. Xét chứng cứ có trong hồ sơ cùng kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa thể hiện, hôn nhân của anh chị được xác lập năm 2016 trên cơ sở tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chính thức ly thân từ năm 2019 đến nay; mặc dù anh TrúC E không đồng ý ly hôn nhưng anh không hàn gắn được tình cảm vợ chồng trong thời gian dài sau khi ly thân, mỗi người sinh sống một nơi, không ai quan tâm ai, từ đó tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; điều này phù hợp lời trình bày của chị L, anh TrúC E và ông Lê Hồng Săng (cha ruột anh TrúC E), do đó, chị L yêu cầu ly hôn là có căn cứ được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về nuôi con chung: anh, chị có 01 con chung tên Lê Hoàng Chính Th sinh ngày 29/5/2016 hiện tại đang sống với chị L; Xét, từ khi ly thân đến nay cháu Thuận do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và để cháu có cuộc sống, tâm lý ổn định nên căn cứ quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cần giao cháu Thuận cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến thành niên hoặc tự lập được; anh Lê Văn TrúC E phải cấp dưỡng cho con theo quy định mỗi tháng là 750.000đ đến thành niên hoặc tự lập được.

Chị L phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi anh TrúC E đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Mặt khác, nếu có căn cứ cho rằng, chị L không còn đảm bảo các điều kiện nuôi dạy con hoặc có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con thì anh TrúC E có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ghi nhận lời trình bày đương sự không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị L và anh Trúc E phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo qui định pháp luật. Anh Trúc E phải chịu án phí về cấp dưỡng cho con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26; khoản 5, khoản 6 Điều 27 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm L.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm L được ly hôn với anh Lê Văn Trúc E.

Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2016, ngày 08/3/2016 của Ủy ban nhân dân xã Phú Hưng, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang cấp cho chị L và anh Trúc E không còn giá trị pháp lý khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao cho chị L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên Lê Hoàng Chính Th sinh ngày 29/5/2016 đến thành niên hoặc tự lập được; Anh Trúc E cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 750.000đ đến khi con chung thành niên hoặc tự lập được. Phương thức và thời gian bắt đầu cấp dưỡng do hai bên tự thỏa thuận hoặc được thực hiện tại giai đoạn thi hành án theo quy định của Luật thi hành án Dân sự.

Chị L phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi anh Trúc E đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: không có.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí hôn nhân, gia đình là 300.000đ, được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số

0004116 ngày 19/11/2021 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (đã nộp đủ). Anh Trúc E phải chịu án phí về cấp dưỡng cho con là 300.000đ.

Đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND xã Phú Hưng, huyện Phú Tân tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Dương Bích Tuyên